

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2958 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Ma-lai-xi-a và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Ma-lai-xi-a

và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Mục 1 Thông báo ban hành kèm Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau:

“Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế được phân loại theo các mã HS 9401.31.00, 9401.39.00, 9401.41.00, 9401.49.00, 9401.61.00, 9401.69.90, 9401.71.00, 9401.79.90, 9401.80.00, 9401.91.00, 9401.99.30, 9401.99.91, 9401.99.99, 9403.30.00, 9403.60.90, 9403.91.00, 9403.99.90...”.

2. Sửa đổi, bổ sung Tiêu mục 1.1, Mục 1 Thông báo ban hành kèm Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau:

“Sản phẩm bàn bị áp dụng thuế CBPG tạm thời được phân loại theo mã HS sau: 9403.30.00, 9403.60.90, 9403.91.00 và 9403.99.90.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
94.03	Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng.			
9403.30.00	- Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong văn phòng	25%	0%	20%
9403.60	- Đồ nội thất bằng gỗ khác:			
9403.60.90	- - Loại khác	25%	0%	0% ¹
	- Bộ phận:			
9403.91.00	- - Bằng gỗ	20%	0%	0% ²
9403.99	- - Loại khác			
9403.99.90	- - - Loại khác	20%	0%	0% ³

”

3. Sửa đổi, bổ sung Tiêu mục 1.2, Mục 1 Thông báo ban hành kèm Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau:

“Sản phẩm ghế bị áp dụng thuế CBPG tạm thời được phân loại theo mã HS sau: 9401.31.00, 9401.39.00, 9401.41.00, 9401.49.00, 9401.61.00, 9401.69.90,

¹ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia, Bru-nây.

² Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

³ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

9401.71.00, 9401.79.90, 9401.80.00, 9401.91.00, 9401.99.30, 9401.99.91 và 9401.99.99.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
9401	Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng.			
	- Ghế quay có điều chỉnh độ cao			
9401.31.00	- - Bằng gỗ	25%	0%	5%
9401.39.00	- - Loại khác	25%	0%	5%
	- Ghế có thể chuyển thành giường, trừ ghế trong vườn hoặc đồ cắm trại			
9401.41.00	- - Bằng gỗ	25%	0%	0%
9401.49.00	- - Loại khác	25%	0%	0%
	- Ghế khác, có khung bằng gỗ:			
9401.61.00	- - Đã nhồi đệm	25%	0%	0% ¹
9401.69	- - Loại khác:			
9401.69.90	- - - Loại khác	25%	0%	0% ²
	- Ghế khác, có khung bằng kim loại:			
9401.71.00	- - Đã nhồi đệm	25%	0%	0% ³
9401.79	- - Loại khác:			
9401.79.90	- - - Loại khác	25%	0%	0% ⁴
9401.80.00	- Ghế khác	25%	0%	0% ⁵
	- Bộ phận:			
9401.91.00	- - Bằng gỗ			
9401.99	- - Loại khác :			
9401.99.30	- - Cửa ghế thuộc phân nhóm 9401.31.00 và 9401.39.00	20%	0%	0% ⁶
	- - - Loại khác:			
9401.99.91	- - - Bằng plastic	20%	0%	0%

¹ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

² Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia, Bru-nây.

³ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

⁴ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

⁵ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia, Bru-nây.

⁶ Không áp dụng với hàng hóa từ Trung Quốc.

9401.99.99	- - - Loại khác	20%	0%	0%
------------	-----------------	-----	----	----

”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

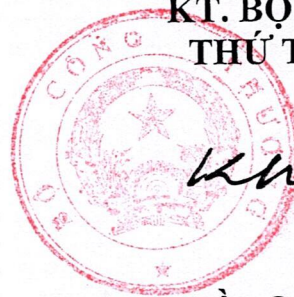
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2022.
2. Các Quyết định miễn trừ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá được Bộ Công Thương ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị thực hiện đến hết thời hạn hiệu lực của Quyết định miễn trừ đó. Đối với hàng hóa được miễn trừ có thay đổi về mã số hàng hóa theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, thì thực hiện miễn trừ theo mã số hàng hóa mới như được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu, giải quyết././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Tổng cục Hải quan;
- Bộ trưởng;
- Các Thủ trưởng;
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, KHCB, PC;
- Văn phòng BCĐLNHNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (5).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Khánh

Trần Quốc Khánh